

BỘ CÔNG THƯƠNG

TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



BÀI VIẾT THÁNG 9/2026

**8 tháng đầu năm: EVFTA và CPTPP mở rộng dư địa xuất khẩu,
trong khi RCEP tiếp tục là nguồn nhập siêu lớn**

Thuộc nhiệm vụ:

**Truyền thông về các chính sách, giải pháp, hoạt động nhằm phát triển
xuất nhập khẩu và công tác hội nhập, tận dụng cam kết quốc tế
trên các bản tin và trang thông tin điện tử
của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại**

Hà Nội, 2026

8 tháng đầu năm 2026: EVFTA và CPTPP mở rộng dư địa xuất khẩu, trong khi RCEP tiếp tục là nguồn nhập siêu lớn

Trong 8 tháng đầu năm 2026, thương mại hàng hóa của Việt Nam với các thị trường thuộc 5 FTA gồm EVFTA, CPTPP, UKVFTA, VN-EAEU FTA và RCEP tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, song cán cân thương mại có sự chênh lệch rõ nét giữa các đối tác. EVFTA, CPTPP và UKVFTA đóng góp tích cực vào xuất siêu, trong khi RCEP vẫn là nguồn cung hàng hóa, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị chủ yếu cho sản xuất trong nước và cũng là khu vực tạo ra mức nhập siêu lớn nhất.

Xét theo từng FTA, RCEP tiếp tục là đối tác có quy mô thương mại lớn nhất. Trong 8 tháng, xuất khẩu sang các thị trường thành viên RCEP đạt 133,4 tỷ USD, tăng 22,77%, chiếm 35,59% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu từ RCEP đạt 290,9 tỷ USD, tăng 36,49%, chiếm tới 73,59% tổng kim ngạch nhập khẩu. Do nhập khẩu tăng nhanh hơn nhiều so với xuất khẩu, Việt Nam nhập siêu 157,5 tỷ USD từ các thị trường thành viên RCEP. Điều này cho thấy RCEP tiếp tục giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong cung ứng đầu vào cho sản xuất nhưng cũng khiến cán cân thương mại chịu áp lực thâm hụt.

CPTPP tiếp tục ghi nhận tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tích cực. Sau 8 tháng, xuất khẩu sang các thị trường thành viên CPTPP đạt 56,3 tỷ USD, tăng 23,28%, chiếm 15,03% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; riêng tháng 8 đạt 8,5 tỷ USD, tăng 31,62% so với cùng kỳ năm 2025. Nhập khẩu đạt 44,4 tỷ USD, tăng 26,74%, đưa cán cân thương mại với CPTPP đạt thặng dư 11,9 tỷ USD. Kết quả này cho thấy CPTPP tiếp tục tạo thêm dư địa cho hàng hóa Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời duy trì trạng thái xuất siêu tương đối ổn định.

Trong khi đó, EVFTA là nguồn đóng góp lớn nhất vào thặng dư thương mại. Trong 8 tháng đầu năm, xuất khẩu sang thị trường EU đạt 44,3 tỷ USD, tăng 19,66%, trong khi nhập khẩu đạt 12,9 tỷ USD, tăng 12,75%. Cán cân thương mại theo đó đạt mức xuất siêu 31,4 tỷ USD. Riêng tháng 8, xuất khẩu sang EU đạt 6,3 tỷ USD, tăng 31,65% so với cùng kỳ, còn nhập khẩu đạt 1,6 tỷ USD. Như vậy, kim ngạch xuất khẩu sang EU trong 8 tháng cao khoảng 3,4 lần nhập khẩu.

UKVFTA cũng duy trì mức xuất siêu lớn so với quy mô thương mại. Xuất khẩu sang Vương quốc Anh trong 8 tháng đạt 6,5 tỷ USD, tăng 18,8%, trong khi nhập khẩu đạt 686 triệu USD, tăng 8,82%, đưa mức xuất siêu lên 5,8 tỷ USD. Đáng chú ý, riêng tháng 8, xuất khẩu tăng 40,53% so với cùng kỳ và tăng 27,24% so với tháng trước, cho thấy đà tăng trưởng khá tích cực tại thị trường này. Trong khi đó, thương mại với EAEU vẫn có quy mô khiêm tốn, với xuất khẩu đạt 1,9 tỷ USD, tăng 2,27%, nhập khẩu đạt 2,3 tỷ USD, tăng 29,46%, dẫn tới nhập siêu khoảng 343 triệu USD.

NỘI DUNG BÀI VIẾT

- Tổng quan tình hình thương mại giữa Việt Nam với các thị trường FTA

Theo số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam, trong 8 tháng năm 2026, cán cân thương mại của Việt Nam với các thị trường thuộc các hiệp định thương mại tự do (FTA) có sự phân hóa rõ nét. Trong đó, EVFTA tiếp tục là khu vực mang lại mức xuất siêu lớn nhất, trong khi RCEP là khu vực có mức nhập siêu lớn nhất.

Đối với EVFTA, trong tháng 8/2026, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU đạt 6,3 tỷ USD, trong khi nhập khẩu đạt 1,6 tỷ USD, đưa mức xuất siêu lên 4,7 tỷ USD. Tính chung 8 tháng năm 2026, xuất khẩu sang thị trường này đạt 44,3 tỷ USD, nhập khẩu đạt 12,9 tỷ USD, qua đó Việt Nam xuất siêu 31,4 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu sang EVFTA cao gấp khoảng 3,4 lần kim ngạch nhập khẩu, cho thấy cán cân thương mại tiếp tục nghiêng đáng kể về phía xuất khẩu.

Đối với CPTPP và UKVFTA, thương mại tiếp tục đóng góp tích cực vào cán cân thương mại của Việt Nam. Trong 8 tháng, xuất khẩu sang các thị trường thành viên CPTPP đạt 56,3 tỷ USD, trong khi nhập khẩu đạt 44,4 tỷ USD, đưa mức xuất siêu lên 11,9 tỷ USD. Đối với UKVFTA, xuất khẩu sang Vương quốc Anh đạt 6,5 tỷ USD, trong khi nhập khẩu chỉ đạt 686,43 triệu USD, qua đó Việt Nam xuất siêu 5,9 tỷ USD. Xét về tương quan quy mô, UKVFTA có mức chênh lệch lớn nhất giữa xuất khẩu và nhập khẩu, khi kim ngạch xuất khẩu cao gấp gần 9,5 lần nhập khẩu. CPTPP có cán cân thương mại tương đối cân bằng hơn, với kim ngạch xuất khẩu cao gấp khoảng 1,3 lần nhập khẩu.

Ở chiều ngược lại, EAEU và RCEP là hai nhóm thị trường mà Việt Nam ghi nhận nhập siêu trong 8 tháng năm 2026. Với EAEU, xuất khẩu đạt 1,9 tỷ USD và nhập khẩu đạt 2,3 tỷ USD, đưa mức nhập siêu lên 343,16 triệu USD; kim ngạch nhập khẩu cao hơn xuất khẩu khoảng 1,2 lần.

RCEP tiếp tục là khu vực có mức nhập siêu lớn nhất. Trong 8 tháng, xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường thành viên RCEP đạt 133,4 tỷ USD, trong khi nhập khẩu đạt 290,9 tỷ USD, đưa mức nhập siêu lên 157,5 tỷ USD. Mặc dù RCEP là khu vực cung cấp nguồn nguyên phụ liệu, máy móc và thiết bị quan trọng cho hoạt động sản xuất, xuất khẩu trong nước, quy mô nhập khẩu lớn hơn đáng kể so với xuất khẩu khiến cán cân thương mại với khu vực này tiếp tục chịu áp lực thâm hụt. Kim ngạch nhập khẩu từ RCEP cao gấp khoảng 2,2 lần xuất khẩu.

Bảng 1: Cán cân thương mại của Việt Nam với các thị trường thành viên thuộc các Hiệp định FTA

Thị trường thành viên	Tháng 8/2026 (Triệu USD)			8 tháng năm 2026 (Triệu USD)		
	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cán cân thương mại
FTA EVFTA	6.331	1.641	4.690	44.258	12.905	31.353
FTA CPTPP	8.473	5.225	3.248	56.347	44.442	11.905
FTA UKVFTA	1.119	87	1.032	6.505	686	5.819
FTA EAEU	236	257	-21	1.948	2.291	-343
FTA RCEP	19.632	40.158	-20.526	133.417	290.906	-157.489

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Về xuất khẩu

Trong 8 tháng đầu năm 2026, hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực. Riêng tháng 8/2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 54,8 tỷ USD, tăng 3,2% so với tháng trước và tăng 26,01% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 8 tháng, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 374,8 tỷ USD, tăng 22,44% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu sang các thị trường thuộc các hiệp định thương mại tự do (FTA) tiếp tục tăng trưởng, trong đó RCEP, CPTPP và EVFTA là ba nhóm thị trường có quy mô xuất khẩu lớn nhất. Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, trong 8 tháng năm 2026, xuất khẩu sang thị trường RCEP đạt 133,4 tỷ USD, tăng 22,8% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 35,6% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Riêng tháng 8, kim ngạch xuất khẩu sang RCEP đạt 19,6 tỷ USD, tăng 7,0% so với tháng 7 và tăng 22,9% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với CPTPP, kim ngạch xuất khẩu trong 8 tháng đạt 56,3 tỷ USD, tăng 23,3% so với cùng kỳ, chiếm 15,03% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Riêng tháng 8, xuất khẩu sang các thị trường thành viên CPTPP đạt 8,5 tỷ USD, tăng 31,6% so với cùng kỳ năm 2025, là mức tăng cao nhất trong ba nhóm thị trường chủ lực.

EVFTA tiếp tục duy trì vị trí là một trong những thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam. Trong 8 tháng, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này

đạt 44,3 tỷ USD, tăng 19,7% so với cùng kỳ, chiếm 11,8% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Riêng tháng 8, kim ngạch xuất khẩu đạt 6,3 tỷ USD, tăng 31,7% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với UKVFTA, kim ngạch xuất khẩu trong 8 tháng đạt 6,5 tỷ USD, tăng 18,8% so với cùng kỳ, chiếm 1,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Riêng tháng 8, xuất khẩu sang Vương quốc Anh đạt mức tăng 40,5% so với cùng kỳ năm 2025 và tăng 27,2% so với tháng trước, cho thấy tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tiếp tục được duy trì ở mức cao.

Trong khi đó, EAEU có quy mô xuất khẩu thấp nhất trong các nhóm thị trường FTA được thống kê. Kim ngạch xuất khẩu sang khu vực này trong 8 tháng đạt 1,9 tỷ USD, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm 2025, thấp hơn đáng kể so với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang các nhóm thị trường FTA còn lại.

Bảng 2: Tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam theo các Hiệp định FTA trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026

Thị trường thành viên Hiệp định	Tháng 8/2026 (Triệu USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (Triệu USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						8 tháng năm 2026	8 tháng năm 2025
Tổng KNXXK	54.795	3,2	26,01	374.837	22,44	100	100
FTA RCEP	19.632	6,95	22,86	133.417	22,77	35,59	35,50
FTA CPTPP	8.473	7,4	31,62	56.347	23,28	15,03	14,93
FTA EVFTA	6.331	2,93	31,65	44.258	19,66	11,81	12,08
FTA UKVFTA	1.119	27,24	40,53	6.505	18,8	1,74	1,79
FTA EAEU	236	-16,28	1,9	1.948	2,27	0,52	0,62

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Về nhập khẩu

Cùng với đà tăng trưởng của hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2026 cũng tiếp tục duy trì mức tăng cao. Diễn biến này phản ánh nhu cầu nhập khẩu nguyên, nhiên, vật liệu, máy móc, thiết bị và các nhóm hàng đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất, xuất khẩu, đồng

thời đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước. Cụ thể, trong tháng 8/2026, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 54,9 tỷ USD, giảm 3,11% so với tháng 7/2026 nhưng tăng 37,9% so với cùng kỳ tháng 8/2025. Tính chung 8 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 395,3 tỷ USD, tăng 35,3% so với cùng kỳ năm 2025.

Xét theo các thị trường có FTA, RCEP tiếp tục là nguồn cung hàng hóa nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam. Trong 8 tháng, kim ngạch nhập khẩu từ các thị trường thành viên RCEP đạt 290,9 tỷ USD, tăng 36,5% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 73,59% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Riêng tháng 8/2026, nhập khẩu từ RCEP đạt 40,2 tỷ USD, tăng 39,5% so với cùng kỳ năm trước nhưng giảm 3,8% so với tháng 7/2026. Quy mô nhập khẩu lớn từ khu vực RCEP chủ yếu gắn với nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu, linh kiện, máy móc, thiết bị và các sản phẩm trung gian phục vụ sản xuất trong nước và hoạt động xuất khẩu.

CPTPP là nhóm thị trường FTA có kim ngạch nhập khẩu lớn thứ hai. Lũy kế 8 tháng, nhập khẩu từ các thị trường thành viên CPTPP đạt 44,4 tỷ USD, tăng 26,7% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 11,2% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Riêng tháng 8, kim ngạch nhập khẩu đạt 5,2 tỷ USD, giảm 12,9% so với tháng trước nhưng vẫn tăng 14,2% so với cùng kỳ năm 2025.

Đối với EVFTA, kim ngạch nhập khẩu trong 8 tháng đạt 12,9 tỷ USD, tăng 12,8% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 3,3% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Riêng tháng 8/2026, nhập khẩu từ thị trường này đạt 1,6 tỷ USD, tăng 2,4% so với tháng 7 và tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước.

Nhập khẩu từ EAEU trong 8 tháng đạt 2,3 tỷ USD, tăng 29,5% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 0,6% tổng kim ngạch nhập khẩu. Riêng tháng 8, kim ngạch nhập khẩu đạt 257 triệu USD, giảm 31,4% so với tháng trước nhưng vẫn tăng 29,5% so với cùng kỳ năm 2025.

Trong khi đó, UKVFTA có quy mô nhập khẩu thấp nhất trong các nhóm thị trường FTA được thống kê. Kim ngạch nhập khẩu từ Vương quốc Anh trong 8 tháng đạt 686 triệu USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 0,2% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Riêng tháng 8/2026, nhập khẩu đạt 87 triệu USD, tăng 4,8% so với cùng kỳ nhưng giảm 4,0% so với tháng 7/2026.

Bảng 3: Tình hình nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam theo các Hiệp định FTA trong tháng 8 và 8 tháng năm 2026

Thị trường thành viên Hiệp định	Tháng 8/2026 (Triệu USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (Triệu USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						8 tháng năm 2026	8 tháng năm 2025
Tổng KNNK	54.908	-3,11	37,9	395.298	35,32	100	100
FTA RCEP	40.158	-3,83	39,45	290.906	36,49	73,59	72,96
FTA CPTPP	5.225	-12,89	14,24	44.442	26,74	11,24	12,00
FTA EVFTA	1.641	2,38	7,88	12.905	12,75	3,26	3,92
FTA EAEU	257	-31,36	29,51	2.291	29,46	0,58	0,61
FTA UKVFTA	87	-3,97	4,79	686	8,82	0,17	0,22

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Tình hình xuất khẩu một số mặt hàng của Việt Nam sang các thị trường thành viên FTA

- Mặt hàng sản phẩm chất dẻo

Theo số liệu thống kê, trong tháng 8/2026, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chất dẻo của Việt Nam đạt 731,15 triệu USD, giảm 11,09% so với tháng 7/2026 nhưng tăng 14,41% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 8 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chất dẻo đạt 5,5 tỷ USD, tăng 12,91% so với cùng kỳ năm 2025.

Xét theo các thị trường FTA, RCEP tiếp tục là thị trường xuất khẩu sản phẩm chất dẻo lớn nhất của Việt Nam. Trong tháng 8/2026, kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường thành viên RCEP đạt 200,3 triệu USD, giảm 2,1% so với tháng 7 nhưng tăng 14,7% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 8 tháng, kim ngạch xuất khẩu sang RCEP đạt 1,5 tỷ USD, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tỷ trọng của RCEP trong tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chất dẻo giảm nhẹ, từ 27,46% trong 8 tháng năm 2025 xuống 26,57% trong 8 tháng năm 2026.

CPTPP là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai đối với sản phẩm chất dẻo của Việt Nam. Tháng 8/2026, kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường thành viên CPTPP

đạt 132,3 triệu USD, tăng 2,2% so với tháng 7 và tăng 23,5% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 8 tháng, kim ngạch xuất khẩu sang CPTPP đạt 933,5 triệu USD, tăng 13,8% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ trọng của CPTPP trong tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chất dẻo tăng nhẹ, từ 16,74% lên 16,86%.

Đối với EVFTA, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chất dẻo trong 8 tháng đầu năm 2026 đạt 552,9 triệu USD, tăng 25,2% so với cùng kỳ năm 2025. Đây là mức tăng cao trong số các nhóm thị trường FTA được thống kê, qua đó đưa tỷ trọng của EVFTA trong tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chất dẻo từ 9,01% trong 8 tháng năm 2025 lên 9,99% trong 8 tháng năm 2026.

Trong khi đó, UKVFTA có quy mô xuất khẩu thấp hơn, với kim ngạch trong 8 tháng đạt 96,4 triệu USD, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 1,7% tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chất dẻo, giảm nhẹ so với mức 1,9% của cùng kỳ năm trước.

Đối với EAEU, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chất dẻo trong 8 tháng đạt 18,1 triệu USD, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 0,3% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này, tương đương mức tỷ trọng của cùng kỳ năm trước.

Bảng 4: Xuất khẩu sản phẩm từ chất dẻo của Việt Nam sang các thị trường Hiệp định FTA trong tháng 8 và 8 tháng năm 2026

Thị trường thành viên Hiệp định	Tháng 8/2026 (Triệu USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (Triệu USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						8 tháng năm 2026	8 tháng năm 2025
Tổng KNXXK	731,15	-11,09	14,41	5.535,79	12,91	100	100
FTA RCEP	200,32	-2,05	14,74	1.471,09	9,29	26,57	27,46
FTA CPTPP	132,32	2,18	23,53	933,52	13,75	16,86	16,74
FTA EVFTA	69,80	-13,26	30,04	552,90	25,19	9,99	9,01
FTA UKVFTA	12,06	-9,44	-1,98	96,39	5,65	1,74	1,86
FTA EAEU	2,87	-11,97	93,42	18,11	3,1	0,33	0,36

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Mức cắt giảm thuế quan đối với mặt hàng chất dẻo các loại tính đến năm 2026 trong một số FTA:

FTA	Cam kết thuế quan đối với mặt hàng chất dẻo các loại tính đến năm 2026
EVFTA	Đến năm 2026, hầu hết các dòng thuế thuộc nhóm chất dẻo nguyên liệu và sản phẩm chất dẻo xuất khẩu sang EU đã hoàn thành lộ trình cắt giảm và được đưa về mức thuế suất 0% (với lộ trình cam kết phổ biến xóa bỏ ngay hoặc tối đa sau 3 - 5 năm).
CPTPP	Đến năm 2026, phần lớn các dòng thuế đối với mặt hàng chất dẻo và sản phẩm bằng chất dẻo xuất khẩu từ Việt Nam sang các nước thành viên (như Nhật Bản, Canada, Australia, Mexico...) đã về mức 0% theo biểu cam kết riêng của từng nước. Một số thị trường áp dụng xóa bỏ thuế ngay từ khi hiệp định có hiệu lực hoặc sau lộ trình 3 - 5 năm.
UKVFTA	Đến năm 2026, các dòng thuế đối với chất dẻo và sản phẩm từ chất dẻo của Việt Nam xuất khẩu sang Vương quốc Anh cơ bản đều hưởng mức thuế suất ưu đãi 0%, do UKVFTA kế thừa biểu cam kết và lộ trình cắt giảm của EVFTA. Các dòng thuế áp dụng lộ trình tối đa 5 năm đã về 0% kể từ trước năm 2026.
EAEU	Đến năm 2026, toàn bộ các cam kết cắt giảm thuế quan theo lộ trình của Liên minh Kinh tế Á - Âu đối với mặt hàng chất dẻo và sản phẩm bằng chất dẻo của Việt Nam đã hoàn tất. Các dòng thuế diện cam kết ưu đãi đều đã được xóa bỏ hoặc áp dụng mức thuế suất 0%.
RCEP	Đến năm 2026, thuế quan đối với mặt hàng chất dẻo và sản phẩm chất dẻo tiếp tục được cắt giảm theo biểu cam kết của từng nước thành viên. Nhiều mặt hàng chất dẻo nguyên liệu và bán thành phẩm đã đạt mức thuế 0% hoặc tiếp tục giảm dần.

- Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ

Theo số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam, trong 8 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, thể hiện rõ tính cạnh tranh cao của ngành chế biến gỗ trong chuỗi cung

ứng quốc tế. Cụ thể, trong tháng 8/2026, tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,6 tỷ USD, mặc dù có bước chững nhẹ 1,6% so với tháng 7/2026 nhưng vẫn ghi nhận mức tăng trưởng 7,3% so với cùng kỳ tháng 8/2025. Nhờ sự ổn định này, tổng giá trị xuất khẩu tích lũy 8 tháng đầu năm 2026 đã đạt mốc 11,8 tỷ USD, tăng 6,0% so với 8 tháng năm 2025.

Về cơ cấu thị trường, thị trường RCEP tiếp tục khẳng định vai trò là bạn hàng lớn nhất và chiếm tỷ trọng chi phối đối với mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam. Tính riêng tháng 8/2026, xuất khẩu sang RCEP đạt 547,5 triệu USD (tuy giảm nhẹ 3,4% so với tháng trước nhưng tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2025), qua đó nâng tổng kim ngạch 8 tháng lên 4,1 tỷ USD, tăng trưởng 17,3% so với 8 tháng năm 2025 và chiếm tới 34,7% tỷ trọng trong cơ cấu xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của nước ta (tăng nhẹ từ mức 31,3% của cùng kỳ năm 2025).

Đứng ở vị trí thứ hai là thị trường CPTPP với kết quả xuất khẩu đạt 314,1 triệu USD trong tháng 8/2026, tăng 2,9% so với tháng 7 và tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước; lũy kế 8 tháng đầu năm, kim ngạch sang thị trường CPTPP đạt 2,2 tỷ USD, tăng trưởng 8,8% so với cùng kỳ, đóng góp 19% tỷ trọng (dù có phần giảm so với mức 18,5% của 8 tháng năm 2025).

Bảng 5: Xuất khẩu hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang các thị trường Hiệp định FTA trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2026

Thị trường thành viên Hiệp định	Tháng 8/2026 (Triệu USD)	So với tháng 7/2026 (%)	So với tháng 8/2025 (%)	8 tháng năm 2026 (Triệu USD)	So với 8 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						8 tháng năm 2026	8 tháng năm 2025
Tổng KNXX	1.584	-1,6	7,3	11.807	6	100	100
FTA RCEP	547,5	-3,4	8,6	4.093	17,3	34,7	31,3
FTA CPTPP	314,1	2,9	5,1	2.240	8,8	19,0	18,5
FTA EVFTA	69,6	10,2	65,5	572	59,2	4,8	3,2
FTA UKVFTA	19,7	-8,8	-4,4	176	10,5	1,5	1,4
FTA EAEU	0,3	162,6	-56,4	3	-14,1	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Đối với các thị trường đối tác còn lại, xét trong giai đoạn tích lũy 8 tháng đầu năm 2026, khối thị trường EU (Hiệp định EVFTA) ghi nhận bước bứt phá nhất khi mang về 572 triệu USD, đạt tốc độ tăng trưởng tới 59,2% so với 8 tháng năm 2025; qua đó mở rộng tỷ trọng từ 3,2% lên mức 4,8%.

Trong khi đó, thị trường Vương quốc Anh (UKVFTA) đạt kim ngạch 8 tháng là 176 triệu USD, tăng trưởng 10,5% so với cùng kỳ năm trước và duy trì tỷ trọng ở mức khiêm tốn 1,5% (so với 1,4% của cùng kỳ năm 2025).

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu sang khối Liên minh Kinh tế Á - Âu (FTA EAEU) chỉ đạt quy mô rất khiêm tốn với 3 triệu USD sau 8 tháng, giảm 14,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

Mức cắt giảm thuế quan đối với mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ tính đến năm 2026 trong một số FTA:

FTA	Cam kết thuế quan mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ đến năm 2026
EVFTA	Đến năm 2026, phần lớn các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang EU đã được hưởng thuế suất 0%. Nhiều dòng thuế đã được xóa bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực hoặc theo lộ trình 3–5 năm (đến trước năm 2025–2026 đã hoàn tất việc xóa bỏ thuế). Hàng hóa phải đáp ứng quy tắc xuất xứ EVFTA và tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về truy xuất nguồn gốc gỗ hợp pháp.
CPTPP	Đến năm 2026, hầu hết các nước thành viên CPTPP như Canada, Nhật Bản, Úc, New Zealand,... đã xóa bỏ hoàn toàn thuế quan về 0% đối với các dòng sản phẩm gỗ và đồ nội thất gỗ từ Việt Nam. Một số ít thị trường áp dụng lộ trình cắt giảm dài hơn thì mức thuế suất nhập khẩu hiện tại cũng đã giảm về mức rất thấp hoặc tiệm cận 0%.
UKVFTA	Kế thừa toàn bộ lộ trình và biểu cam kết từ EVFTA, đến năm 2026, toàn bộ các mặt hàng gỗ nguyên liệu và sản phẩm đồ gỗ chế biến xuất khẩu từ Việt Nam sang thị trường Vương quốc Anh đều đã hoàn thành lộ trình cắt giảm và được áp dụng mức thuế suất ưu đãi 0% (với điều kiện đáp ứng tiêu chí xuất xứ hàng hóa).

EAEU	Theo cam kết trong Hiệp định, lộ trình giảm thuế cho phần lớn mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ kéo dài tối đa từ 5 đến 10 năm. Đến năm 2026, các mặt hàng này cơ bản đã kết thúc lộ trình cam kết và được hưởng thuế suất ưu đãi 0% khi xuất khẩu sang khối EAEU.
RCEP	Thuế quan đối với gỗ và sản phẩm gỗ được cắt giảm theo biểu cam kết riêng của từng quốc gia thành viên RCEP. Đến năm 2026, nhiều dòng sản phẩm gỗ xuất khẩu sang các nước thuộc hiệp định tiếp tục được hạ sâu theo lộ trình từng năm; trong đó nhiều phân nhóm nguyên liệu gỗ thô và đồ gỗ thông thường đã đạt mức thuế 0%, các mặt hàng còn lại đang giảm dần đều theo lộ trình cam kết.